

Số: 82A/QĐ-PTTHKH

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 5 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai Báo cáo quyết toán tài chính năm 2023  
của Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa

### ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/2/2015 ban hành Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 2575/QĐ-UB ngày 22/11/1994 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa và Quyết định số 626/QĐ-UBND ngày 20/03/2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-PTTH ngày 06/07/2023 về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí của Đài Phát thanh và truyền hình Khánh Hòa;

Căn cứ số liệu Thu - Chi năm 2023 của Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức và Hành chính, Phòng Kế hoạch và Tài vụ và Ban chấp hành Công đoàn,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai Báo cáo quyết toán tài chính năm 2023 của Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa (đính kèm số liệu thu – chi năm 2023)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng Phòng Tổ chức và Hành chính, Kế hoạch và Tài vụ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu VT, KHTV.

GIÁM ĐỐC



Lê Anh Vũ

**SỐ LIỆU THU - CHI**  
**NĂM 2023**

| STT       | NỘI DUNG                                                | Năm 2023              |
|-----------|---------------------------------------------------------|-----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Thu trong năm</b>                                    | <b>33.995.287.460</b> |
| <b>1</b>  | <b>Thu hoạt động dịch vụ</b>                            | <b>33.990.904.898</b> |
|           | - Doanh thu Quảng cáo                                   | 8.725.877.898         |
|           | - Doanh thu theo đơn đặt hàng                           | 25.202.624.000        |
|           | - Doanh thu HĐ khác                                     | 62.403.000            |
| <b>2</b>  | <b>Thu lãi ngân hàng</b>                                | <b>4.382.562</b>      |
| <b>II</b> | <b>Chi trong năm</b>                                    | <b>29.704.808.211</b> |
|           | - Chi cho CBCNV Đài                                     | 14.514.231.443        |
|           | + Tiền lương                                            | 11.656.782.907        |
|           | + Các khoản đóng góp                                    | 2.713.714.462         |
|           | + Phụ cấp độc hại                                       | 133.234.074           |
|           | + Phụ cấp điện thoại/xăng xe                            | 10.500.000            |
|           | - Chi khác                                              | 588.936.701           |
|           | + Làm ban đêm                                           | 60.636.257            |
|           | + Làm thêm giờ                                          | 446.176.630           |
|           | + Đồng phục, trang phục                                 | 69.041.632            |
|           | + Nghỉ phép                                             | 13.082.182            |
|           | - Phí ngân hàng                                         | 21.655.715            |
|           | - Văn phòng phẩm                                        | 41.234.500            |
|           | - Phí ô tô, kiểm định ô tô, ....                        | 62.224.771            |
|           | - Tiếp khách                                            | 67.921.731            |
|           | - Chi mua vật tư hàng hoá, ... phục vụ công tác quản lý | 31.062.661            |
|           | - Chi phí quản lý khác                                  | 193.312.970           |
|           | - Công tác phí                                          | 499.169.176           |
|           | - Dịch vụ công                                          | 2.943.668.453         |



| STT        | NỘI DUNG                                                                       | Năm 2023               |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|            | + Điện                                                                         | 1.991.790.520          |
|            | + Nước                                                                         | 69.781.511             |
|            | + Nhiên liệu                                                                   | 882.096.422            |
|            | - Thông tin, tuyên truyền, liên lạc                                            | 281.872.549            |
|            | - Thuê lao động                                                                | 159.150.000            |
|            | - Thuê đào tạo                                                                 | 6.010.000              |
|            | - Hội nghị (trang trí, ...)                                                    | 4.962.436              |
|            | - Chi nhuận bút CTV                                                            | 601.570.290            |
|            | - Chi mua chương trình                                                         | 180.000.000            |
| ✓          | - Chi mua vật tư thiết bị phục vụ sản xuất                                     | 19.137.773             |
|            | - Thuê máy móc, thiết bị p/v sản xuất                                          | 321.339.350            |
|            | - Chi hoạt động khác                                                           | 1.452.811.843          |
|            | + Khuyến khích                                                                 | 158.202.531            |
|            | + Chi truyền dẫn phát sóng                                                     | 821.818.185            |
|            | + Chi hoạt động nghiệp vụ khác                                                 | 472.791.127            |
|            | - Chi hợp tác, trao đổi                                                        | 880.000.000            |
|            | - Phân bổ chi phí mua bản quyền phim, công cụ dụng cụ, khác (Bảo hiểm xe, ...) | 4.610.641.781          |
|            | - Chi sửa chữa thường xuyên                                                    | 808.226.870            |
|            | - Khấu hao TSCĐ                                                                | 1.415.667.198          |
| <b>III</b> | <b>Chênh lệch thu chi (II - III)</b>                                           | <b>4.290.479.249</b>   |
|            | - Từ hoạt động dịch vụ                                                         | 4.286.096.687          |
|            | - Ngân hàng                                                                    | 4.382.562              |
| <b>IV</b>  | <b>Lỗ các năm chuyển sang</b>                                                  | <b>-11.799.458.902</b> |
|            | - Năm 2021                                                                     | -9.198.729.809         |
|            | - Năm 2022                                                                     | -1.798.158.126         |
|            | - Nộp NSNN theo TB của Cục thuế (2022) và Kiểm toán (2023)                     | -802.570.967           |
| <b>V</b>   | <b>Lỗ còn lại chuyển các năm sau</b>                                           | <b>-7.508.979.653</b>  |

| STT        | NỘI DUNG                                    | Năm 2023 |
|------------|---------------------------------------------|----------|
| <b>VII</b> | <b>Trích quỹ</b>                            |          |
|            | - Quỹ PTSN 25%                              |          |
|            | Trong đó:                                   |          |
|            | + Hoạt động dịch vụ                         |          |
|            | + Lãi ngân hàng                             |          |
|            | + Hoạt động khác                            |          |
|            | - Quỹ KTPL                                  |          |
|            | - Thu nhập tăng thêm và dự phòng ổn định TN |          |

Người lập biểu



Trần Minh Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Chung

Giám đốc



Lê Anh Vũ